



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG



an independent member of
BAKER TILLY
INTERNATIONAL

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	15 - 42
8. Phụ lục	43 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn***Công ty mẹ***

Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304075529, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	28.000.000.000	20,74
Ông Nguyễn Bình Đông	10.000.000.000	7,41
Công ty cổ phần Vĩnh Tường	5.000.000.000	3,70
Các cổ đông khác	187.000.000.000	68,15
Cộng	230.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 38 622 501
Fax : (84-8) 38 622 974
Mã số thuế : 0304075529

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Lô 48, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 333 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại Cần Thơ	Số 150, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại Đà Nẵng	Khu B4, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
Chi nhánh 2 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số C4/16 Phạm Hùng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 149 Hoàng Văn Thụ, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 4 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 86 Kinh Dương Vương, phường 13, quận 6, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 5 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 39 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 6 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số C4/29, khu phố 3, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 7 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 656 Quốc lộ 1A, khu phố 6, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUƠNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Tầng 2, cao ốc IPC, số 1489 Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	P1402, tầng 14, tòa nhà LILAMA 10, đường Lê Văn Lương kéo dài, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội.
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại Cần Thơ	71A đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường là sản xuất máy móc thiết bị ngành cơ khí (trừ máy kéo, phương tiện cơ giới và không sản xuất tại trụ sở); sản xuất vật liệu xây dựng (trừ xi măng, clinke, sắt, thép); xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; trang trí nội thất; mua bán thiết bị ngành cơ khí (trừ máy kéo, phương tiện cơ giới và không sản xuất tại trụ sở); giáo dục nghề nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng (trừ xi măng, clinke, sắt, thép); trang trí tấm thạch cao và tấm xi măng sợi xenlulô..

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần Hiệp Phú	Lô G.02B, đường số 1, Khu công nghiệp Long Hậu, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.	Số 1101288280, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp.	90%
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc	Thôn Vĩnh Bảo, Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên	Số 0900251447, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.	90%
VTJ Vinh Tuong PLC	3174A đường 271, quận Chom Ca Môn, TP. Phnôm Pênh, Campuchia	Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 67/BKH - ĐTRNN ngày 24 tháng 9 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 15 tháng 02 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	100%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Lợi nhuận của Tập đoàn năm nay tăng so với năm trước chủ yếu do sản lượng tiêu thụ tăng và năm nay hoạt động kinh doanh của Công ty con – Công ty cổ phần Hiệp Phú bắt đầu có lãi.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 45).

Trong năm, Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường đã phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2013 và tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2013 như sau:

– Trích quỹ dự phòng tài chính	2.569.555.251 VND
– Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.178.152.686 VND
– Trích quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.869.555.251 VND
– Chia cổ tức đợt 02 năm 2012	18.400.000.000 VND
– Tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2013	18.400.000.000 VND
Cộng	49.417.263.188 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Craig Stephen Chambers	Phó Chủ tịch	21 tháng 4 năm 2012	27 tháng 4 năm 2013
Ông Olivier de Bayser	Phó Chủ tịch	27 tháng 4 năm 2013	-
Ông Đoàn Hồng Dũng	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Bình Đông	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Bà Phan Thị Lượm	Thành viên	25 tháng 2 năm 2006	-
Ông Trần Đức Huy	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên	15 tháng 5 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Chân	Trưởng ban	29 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Đức Bình	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	29 tháng 4 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Đức Huy	Tổng Giám đốc	02 tháng 1 năm 2009	-
Ông Đặng Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	11 tháng 7 năm 2009	-
Ông Nguyễn Trường Hải	Phó Tổng Giám đốc	05 tháng 7 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0408/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, được lập ngày 15 tháng 03 năm 2014, từ trang 08 đến trang 45 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

CÔNG TY TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		536.315.798.618	409.691.062.092
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	54.188.427.760	48.533.803.639
1. Tiền	111		54.188.427.760	48.533.803.639
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	3.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.538.919.249	145.566.415.214
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	160.718.433.380	135.144.022.623
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	8.066.844.593	3.256.755.609
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	19.961.034.344	15.920.123.730
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(12.207.393.068)	(8.754.486.748)
IV. Hàng tồn kho	140		296.298.224.448	207.176.105.316
1. Hàng tồn kho	141	V.7	305.934.019.109	216.741.158.679
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(9.635.794.661)	(9.565.053.363)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.290.227.161	8.414.737.923
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	669.989.588	4.030.991.350
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.156.993.439	16.600.750
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		62.038.887	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	3.401.205.247	4.367.145.823

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		310.557.150.576	304.406.554.252
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		291.025.182.720	281.004.355.766
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	208.884.654.392	220.195.992.211
<i>Nguyên giá</i>	222		332.603.008.798	323.300.032.072
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(123.718.354.406)	(103.104.039.861)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	57.504.783.765	59.473.266.058
<i>Nguyên giá</i>	228		76.309.554.064	74.680.850.100
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(18.804.770.299)	(15.207.584.042)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	24.635.744.563	1.335.097.497
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.880.018.399	2.851.439.305
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	3.880.018.399	2.851.439.305
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.043.229.361	10.712.221.928
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	5.607.425.561	6.911.161.356
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	-	2.354.180.772
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1.435.803.800	1.446.879.800
VI. Lợi thế thương mại	269	V.19	8.608.720.096	9.838.537.253
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		846.872.949.194	714.097.616.344

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		437.940.754.906	337.106.790.651
I. Nợ ngắn hạn	310		413.565.849.928	299.719.122.121
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	173.894.657.481	153.045.739.396
2. Phải trả người bán	312	V.21	134.008.090.319	85.835.211.092
3. Người mua trả tiền trước	313	V.22	9.106.535.863	1.635.528.516
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	8.252.674.898	6.779.918.830
5. Phải trả người lao động	315	V.24	2.598.226.784	2.892.982.445
6. Chi phí phải trả	316	V.25	53.889.090.128	23.884.460.768
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	26.695.473.900	23.787.354.655
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	5.121.100.555	1.857.926.419
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		24.374.904.978	37.387.668.530
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	24.027.357.578	36.954.715.130
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.29	347.547.400	432.953.400
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		399.346.039.622	368.526.636.637
I. Vốn chủ sở hữu	410		399.346.039.622	368.526.636.637
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	230.000.000.000	230.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	38.000.000.000	38.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	6.753.730.000	6.552.049.200
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.30	14.821.035.600	12.251.480.349
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	109.771.274.022	81.723.107.088
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.31	9.586.154.666	8.464.189.056
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		846.872.949.194	714.097.616.344



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

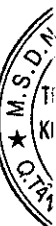
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		275.696.339	275.696.339
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		494.556,51	279.581,18
Dollar Singapore (SGD)		485,92	485,92
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2014



Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

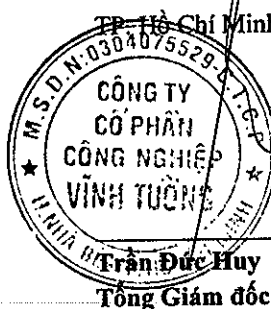
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.810.973.220.620	1.464.186.945.678
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5.332.166.825	7.637.826.393
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.805.641.053.795	1.456.549.119.285
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.509.273.993.525	1.254.920.900.666
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		296.367.060.270	201.628.218.619
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	586.665.989	6.900.075.085
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.325.727.230	26.044.564.683
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.762.466.262	24.763.947.772
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	140.787.372.336	94.179.780.735
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	50.239.788.374	40.991.257.726
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		88.600.838.319	47.312.690.560
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.855.106.191	5.324.741.751
12. Chi phí khác	32	VI.8	817.443.795	637.989.867
13. Lợi nhuận khác	40		1.037.662.396	4.686.751.884
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		1.081.698.294	115.355.476
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		90.720.199.009	52.114.797.920
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	9.199.162.066	4.505.092.838
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	2.354.180.772	(2.034.585.955)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>79.166.856.171</u>	<u>49.644.291.037</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		<u>1.177.308.373</u>	<u>(1.746.813.984)</u>
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>77.989.547.798</u>	<u>51.391.105.021</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	<u>3.391</u>	<u>2.234</u>

Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		90.720.199.009	52.114.797.920
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	28.267.773.048	34.479.880.978
- Các khoản dự phòng	03	V.5, V.7	3.859.411.860	1.574.999.984
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	32.573.890	(3.060.604)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.057.506.156)	(3.871.951.439)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	15.760.098.632	24.763.947.772
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		137.582.550.283	109.058.614.611
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.431.389.237)	120.318.184.965
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(89.220.876.917)	(2.877.864.487)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		76.255.893.396	(73.127.153.172)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.444.740.766	1.309.551.075
- Tiền lãi vay đã trả	13		(15.768.628.913)	(25.398.439.096)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.23	(4.366.487.708)	(8.476.633.637)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.137.495.655	8.207.686.371
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.804.001.599)	(11.526.535.297)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		74.829.295.726	117.487.411.333
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13, VII	(40.472.296.118)	(67.112.514.942)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	769.055.208	216.720.730
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	555.556	114.958.252
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(42.702.685.354)	(66.780.835.960)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

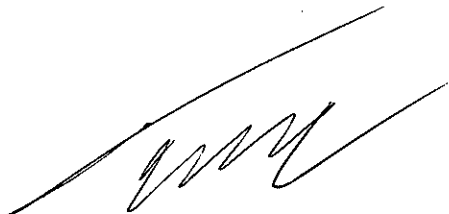
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

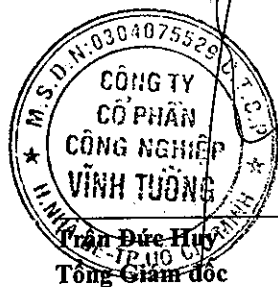
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.20, V.28	691.942.921.321	573.168.850.264
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20, V.28	(684.021.360.788)	(567.139.786.836)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(34.314.803.223)	(39.073.460.669)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.393.242.690)	(33.044.397.241)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.733.367.682	17.662.178.132
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	48.533.803.639	30.868.564.903
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(78.743.561)	3.060.604
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	54.188.427.760	48.533.803.639

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2014


Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, trang trí nội thất, sản xuất và mua bán máy móc thiết bị ngành cơ khí (không sản xuất tại trụ sở).
4. **Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần Hiệp Phú	Lô G.02B, đường số 1, Khu công nghiệp Long Hậu, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.	90%	90%
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc	Thôn Vĩnh Bảo, Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên	90%	90%
VTJ Vinh Tuong PLC	3174A đường 271, quận Chom Ca Môn, TP. Phnôm Pênh, Campuchia	100%	100%

6. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
VTJ (Singapore) Private Limited	Số 48 Toh Guan Road East # 08-103 Enterprise Hub, Singapore (608586)	40%	40%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tập đoàn có 947 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 803 nhân viên).

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Lợi nhuận của Tập đoàn năm nay tăng so với năm trước chủ yếu do chủ yếu do sản lượng tiêu thụ tăng và năm nay hoạt động kinh doanh của Công ty con – Công ty cổ phần Hiệp Phú bắt đầu có lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

10. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Trong đó:

- Quyền sử dụng đất tại số 86 Kinh Dương Vương, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Hiệp Phước được khấu hao theo thời hạn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (43 năm).
- Quyền sử dụng đất tại Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, Huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc được xác định căn cứ theo giá thị trường và đã được các cổ đông thống nhất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (48 năm).
- Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Long Hậu là tiền thuê đất trả một lần cho nhiều năm và được khấu hao theo thời hạn thuê đất (47 năm).

Giá trị công nghệ

Chi phí chuyển giao công nghệ bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và những chi phí liên quan khác. Giá trị nhận chuyển giao công nghệ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa là chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hóa. Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 10 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 01 đến 02 năm.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 22 tháng 4 năm 2006. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 01 đến 03 năm.

Chi phí thuê nhà

Chi phí thuê nhà được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty cổ phần Hiệp Phú chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi Công ty này bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tiền thuê đất

Là số tiền đã ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đã được cơ quan có thẩm quyền xác định số được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm. Số phân bổ trong năm là tiền sử dụng đất được Cơ quan thuế khấu trừ của năm tài chính hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

16. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp các Công ty trong Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc là $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) của tháng cuối cùng trong năm tài chính cho 01 năm làm việc và được hạch toán vào chi phí.

Tăng, giảm số dư quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

19. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty trong tập đoàn và Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hằng năm, cụ thể như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	05%	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hằng năm	Không có mức trích lập tối đa

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.816 VND/USD
31/12/2013 : 21.077 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm nhóm các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

24. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

25. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.129.065.747	11.998.042.824
Tiền gửi ngân hàng	49.032.810.013	35.656.349.399
Tiền đang chuyển	26.552.000	879.411.416
Cộng	54.188.427.760	48.533.803.639

2. Đầu tư ngắn hạn

Góp vốn hợp tác kinh doanh vào Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường.

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường (*)	141.422.883.811	119.836.554.579
Tại Công ty cổ phần Hiệp Phú	519.775.815	-
Tại Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc	2.694.781.677	2.694.781.677
Tại VTJ Vĩnh Tường PLC	16.080.992.077	12.612.686.367
Cộng	160.718.433.380	135.144.022.623

(*) Trong đó, khoản phải thu trị giá 4 triệu USD được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	6.366.282.818	2.015.314.609
Tại Công ty cổ phần Hiệp Phú	485.561.775	6.930.000
Tại Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc	1.215.000.000	1.234.511.000
Cộng	8.066.844.593	3.256.755.609

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế nhập khẩu tạm nộp	4.412.049.173	2.997.691.915
Phải thu tiền chiết khấu hàng mua	10.305.512.468	6.434.814.534
Ông Nguyễn Thành Hưng - tiền cho mượn	100.000.000	100.000.000
Ông Trần Đức Huy - tiền cho mượn	2.043.000.000	2.043.000.000
Ông Đặng Minh Phương - tiền mua cổ phần	227.000.000	-
Công ty TNHH xây dựng & thương mại Chí Hiếu	1.887.690.204	3.866.277.378
Các khoản phải thu khác	985.782.499	478.339.903
Cộng	19.961.034.344	15.920.123.730

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	8.297.611.391	4.844.705.071
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	730.513.136	856.193.572
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	5.187.828.070	1.310.590.394
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	671.090.256	109.173.490
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	1.708.179.929	2.568.747.615
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	3.909.781.677	3.909.781.677
Cộng	12.207.393.068	8.754.486.748

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	8.754.486.748
Trích lập dự phòng bổ sung	3.452.906.320
Số cuối năm	12.207.393.068

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	31.273.082.592	14.110.565.317
Nguyên liệu, vật liệu	189.056.365.191	119.429.687.844
Công cụ, dụng cụ	4.573.901.335	3.574.064.750
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.406.802.021	2.837.227.884
Thành phẩm	71.946.512.279	53.438.138.583
Hàng hóa	7.677.355.691	23.351.474.301
Cộng	305.934.019.109	216.741.158.679

Một số hàng hóa trong kho có giá trị 6 triệu USD đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	5.188.657.857	6.329.484.280
Thành phẩm	4.447.136.804	3.235.569.083
Cộng	9.635.794.661	9.565.053.363

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	9.565.053.363
Trích lập dự phòng bổ sung	406.505.540
Giảm khác	(335.764.242)
Số cuối năm	9.635.794.661

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	146.639.971	848.735.899
Chi phí bảo lãnh	-	928.625.000
Chi phí bảo trì, sửa chữa	5.616.477	-
Chi phí khác	517.733.140	2.253.630.451
Cộng	669.989.588	4.030.991.350

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.727.894.826	1.594.810.091
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.619.522.710	2.676.853.397
Tài sản thiếu chờ xử lý	53.787.711	95.482.335
Cộng	3.401.205.247	4.367.145.823

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	148.242.543.978	149.567.137.664	20.296.468.614	5.193.881.816	323.300.032.072
Tăng trong năm	5.657.402.677	6.537.407.413	2.028.794.437	807.788.180	15.031.392.707
Mua sắm mới	3.547.824.816	6.330.029.330	2.007.028.277	792.368.911	12.677.251.334
Đầu tư XD CB hoàn thành	1.927.622.911	51.089.988	-	-	1.978.712.899
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi VTJ Vĩnh Tường PLC	181.954.950	156.288.095	21.766.160	15.419.269	375.428.474
Thanh lý, nhượng bán	-	(500.000.000)	(1.011.564.534)	(15.090.000)	(1.526.654.534)
Kết chuyển sang công cụ, dụng cụ	(49.018.860)	(2.032.468.772)	(162.731.820)	(1.957.541.995)	(4.201.761.447)
Số cuối năm	153.850.927.795	153.572.076.305	21.150.966.697	4.029.038.001	332.603.008.798
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	23.006.601.564	4.121.085.460	536.800.145	27.664.487.169
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	34.558.856.271	54.348.680.650	11.003.648.964	3.192.853.976	103.104.039.861
Khấu hao trong năm	6.659.867.941	13.802.841.093	2.315.205.845	664.404.858	23.442.319.737
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi VTJ Vĩnh Tường PLC	180.514.082	132.623.226	19.966.344	15.157.776	348.261.428
Thanh lý, nhượng bán	-	(58.467.747)	(668.934.728)	(5.449.159)	(732.851.634)
Kết chuyển sang công cụ, dụng cụ	(8.146.412)	(1.293.647.710)	(64.062.039)	(1.077.558.825)	(2.443.414.986)
Số cuối năm	41.391.091.882	66.932.029.512	12.605.824.386	2.789.408.626	123.718.354.406
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	113.683.687.707	95.218.457.014	9.292.819.650	2.001.027.840	220.195.992.211
Số cuối năm	112.459.835.913	86.640.046.793	8.545.142.311	1.239.629.375	208.884.654.392
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 168.753.343.884 VND và 149.399.888.383 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Giá trị công nghệ	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính và chứng chỉ ISO	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	45.013.568.809	12.771.018.449	16.000.000.000	896.262.842	74.680.850.100
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi VTJ				2.137.660	2.137.660
Vĩnh Tường PLC	-	-	-	1.626.566.304	1.626.566.304
Mua sắm mới	-	-	-	2.524.966.806	76.309.554.064
Số cuối năm	45.013.568.809	12.771.018.449	16.000.000.000	2.524.966.806	76.309.554.064
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	260.500.000	260.500.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.999.608.905	830.082.141	10.799.999.973	577.893.023	15.207.584.042
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi VTJ				1.550.103	1.550.103
Vĩnh Tường PLC	-	-	-		
Khấu hao trong năm	899.909.568	851.401.236	1.600.000.002	244.325.348	3.595.636.154
Số cuối năm	3.899.518.473	1.681.483.377	12.399.999.975	823.768.474	18.804.770.299
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	42.013.959.904	11.940.936.308	5.200.000.027	318.369.819	59.473.266.058
Số cuối năm	41.114.050.336	11.089.535.072	3.600.000.025	1.701.198.332	57.504.783.765
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn theo giá trị sổ sách là 3.546.407.500 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.148.237.062	25.367.963.927	(1.382.396.000)	(693.463.739)	24.440.341.250
Xây dựng cơ bản dở dang	186.860.435	2.174.116.212	(1.978.712.899)	(186.860.435)	195.403.313
Cộng	1.335.097.497	27.542.080.139	(3.361.108.899)	(880.324.174)	24.635.744.563

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần Hiệp Phú ⁽ⁱ⁾	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	105.000.000.000 VND	90%	90%
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc ⁽ⁱⁱ⁾	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	10.000.000.000 VND	90%	90%
VTJ Vinh Tuong PLC ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	1.125.000 USD	100%	49%

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101288280 ngày 09 tháng 8 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường đầu tư vào Công ty cổ phần Hiệp Phú 94.500.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ.

(ii) Trong năm 2011, Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường nhận chuyển nhượng 90.000 cổ phần (mệnh giá 100.000 đ/cổ phần) tương đương 90% vốn điều lệ của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900251447 ngày 09 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp). Giá chuyển nhượng là 20.430.000.000 VND.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 67/BKH - ĐTRNN ngày 24 tháng 9 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 15 tháng 02 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường đầu tư vào VTJ Vinh Tuong PLC 2.500.000 USD, tương đương 100% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường đã đầu tư 1.225.000 USD.

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 206/BKH - ĐTRNN ngày 09 tháng 12 năm 2008 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào VTJ (Singapore) Private Limited USD 160.000 tương đương 40% vốn điều lệ.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí phát		Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	sinh trong năm		
Công cụ, dụng cụ	1.873.820.370	2.985.962.348	(2.501.184.947)	2.358.597.771
Lợi thế thương mại ^(*)	846.330.068	-	(274.485.456)	571.844.612
Chi phí sửa chữa	876.365.258	231.927.421	(893.125.028)	215.167.651
Chi phí thuê nhà	544.132.564	651.698.243	(683.156.685)	512.674.122
Chi phí trước hoạt động	1.092.408.594	-	(546.204.288)	546.204.306
Tiền thuê đất	1.223.491.330	-	(74.568.000)	1.148.923.330
Chi phí khác	454.613.172	454.019.947	(654.619.350)	254.013.769
Cộng	6.911.161.356	4.323.607.959	(5.627.343.754)	5.607.425.561

(*) Khoản chênh lệch giữa giá trị nhận góp vốn với giá trị tài sản thuần (giá trị tài sản thuần đã được định giá lại bởi Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A) của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường (Chi nhánh Vĩnh Phúc) tại thời điểm nhận sáp nhập Chi nhánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	2.354.180.772
Số hoàn nhập	(2.354.180.772)
Số cuối năm	-

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ thuê văn phòng và cửa hàng dài hạn.

19. Lợi thế thương mại

	Nguyên giá	Số đã phân bổ	Giá trị còn lại
Số đầu năm	12.298.171.567	2.459.634.314	9.838.537.253
Phân bổ trong năm	-	1.229.817.157	-
Số cuối năm	12.298.171.567	3.689.451.471	8.608.720.096

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	156.969.856.278	140.521.725.764
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	48.745.207.875	57.579.017.886
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội ^(a)	23.437.047.868	31.192.253.693
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) ^(b)	67.335.456.831	47.399.273.373
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng ^(c)	15.789.029.130	-
- ANZ Royal Bank (Cambodia) ^(d)	1.663.114.574	4.351.180.812
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác ^(e)	2.200.000.000	2.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.28)	14.724.801.203	9.924.013.632
Cộng	173.894.657.481	153.045.739.396

(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 86 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh và tài sản gắn liền với đất; các khoản phải thu trị giá 2 triệu USD; hàng hóa trong kho trị giá 4 triệu USD; máy móc thiết bị trị giá 11 tỷ đồng và bảo lãnh cá nhân từ Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan trị giá 10 triệu USD.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán L/C và bảo lãnh trong nước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa tại kho nhà máy Hưng Yên, thôn Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Phúc trị giá 2 triệu USD; các khoản phải thu trị giá 2 triệu USD và bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện từ Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan.

(c) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Phú Mỹ Hưng để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán L/C và bảo lãnh trong nước.

(d) Khoản vay Ngân hàng ANZ Royal (Cambodia) để bổ sung vốn lưu động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (e) Vay Bà Đoàn Thị Cẩm Nhung để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 10%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	140.521.725.764	658.120.477.696	-	(641.672.347.182)	156.969.856.278
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.600.000.000	-	-	(400.000.000)	2.200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	9.924.013.632	3.822.443.625	10.902.357.552	(9.924.013.606)	14.724.801.203
Cộng	153.045.739.396	661.942.921.321	10.902.357.552	(651.996.360.788)	173.894.657.481

21. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	119.091.932.488	66.770.499.295
Tại Công ty cổ phần Hiệp Phú	12.890.165.919	17.525.549.511
Tại Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc	49.014.749	27.564.750
Tại VTJ Vĩnh Tường PLC	1.976.977.163	1.511.597.536
Cộng	134.008.090.319	85.835.211.092

22. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	9.099.206.233	1.635.528.516
Tại Công ty cổ phần Hiệp Phú	7.329.630	-
Cộng	9.106.535.863	1.635.528.516

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.912.589.190	11.218.095.475	(14.351.595.705)	779.088.960
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	16.600.751	7.296.111.782	(7.312.712.533)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	18.745.422	5.566.868.731	(5.647.653.040)	(62.038.887)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.014.838.375	9.199.162.066	(4.366.487.708)	6.847.512.733
Thuế thu nhập cá nhân	817.145.092	3.302.704.524	(3.493.776.411)	626.073.205
Tiền thuê đất	-	174.432.980	(174.432.980)	-
Các loại thuế khác	-	47.178.414	(47.178.414)	-
Cộng	6.779.918.830	36.804.553.972	(35.393.836.791)	8.190.636.011

24. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 còn phải trả nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**25. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	305.708.925	314.239.206
Chi phí các chương trình khuyến mại	18.049.169.498	9.327.361.518
Chi phí chiết khấu	25.206.678.012	8.635.465.333
Chi phí vận chuyển	205.672.894	2.057.347
Trích trước chi phí các công trình	8.501.489.014	3.499.908.999
Chi phí khác	1.620.371.785	2.105.428.365
Cộng	53.889.090.128	23.884.460.768

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	93.631.517	106.143.807
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	634.104.745	354.271.654
Ông Đặng Minh Phương - tiền mượn	5.532.439.390	5.047.439.390
Cổ tức phải trả	18.885.928.400	16.400.731.623
Phải trả khác	1.549.369.848	1.878.768.181
Cộng	26.695.473.900	23.787.354.655

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	1.857.926.419
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	10.601.135.579
Chi quỹ	(7.337.961.443)
Số cuối năm	5.121.100.555

28. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Long An	-	30.150.000.000
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(a)	24.027.357.578	6.804.715.130
Cộng	24.027.357.578	36.954.715.130

- (a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để xây dựng nhà máy tại tỉnh Hưng Yên và nhập khẩu máy móc mới. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hạng mục nhà xưởng, nhà văn phòng.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	14.724.801.203
Trên 01 năm đến 05 năm	24.027.357.578
Tổng nợ	38.752.158.781

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

Số đầu năm	36.954.715.130
Số tiền vay phát sinh trong năm	30.000.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(32.025.000.000)
Số kết chuyển	(10.902.357.552)
Số cuối năm	24.027.357.578

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	432.953.400
Số đã chi	(85.406.000)
Số cuối năm	<u>347.547.400</u>

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm trang 43.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	34.314.803.223
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	<u>34.314.803.223</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của VTJ Vinh Tuong PLC và khoản đầu tư vào Công ty liên kết VTJ (Singapore) Private Limited.

31. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Số đầu năm	8.464.189.056
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số Công ty cổ phần Hiệp Phú	745.182.919
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc	432.125.454
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc trích quỹ	(55.342.763)
Số cuối năm	<u>9.586.154.666</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.810.973.220.620	1.464.186.945.678
- Doanh thu bán hàng hóa	905.386.498.776	726.370.452.029
- Doanh thu bán thành phẩm	871.343.836.210	714.901.902.768
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	392.349.143	1.065.261.182
- Doanh thu hoạt động xây dựng	33.850.536.491	21.849.329.699
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(5.332.166.825)	(7.637.826.393)
- Chiết khấu thương mại	(5.106.941.963)	(4.873.774.576)
- Giảm giá hàng bán	-	(2.741.581.982)
- Hàng bán bị trả lại	(225.224.862)	(22.469.835)
Doanh thu thuần	1.805.641.053.795	1.456.549.119.285
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	901.356.881.733	724.066.410.205
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	870.041.286.428	709.568.118.199
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	392.349.143	1.065.261.182
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	33.850.536.491	21.849.329.699

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	828.202.571.283	666.901.288.151
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	646.923.584.393	566.063.269.643
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	33.712.731.523	21.605.094.758
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	435.106.326	351.248.114
Cộng	1.509.273.993.525	1.254.920.900.666

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	151.968.627	247.406.171
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	555.556	114.958.252
Chiết khấu thanh toán	-	2.895.663.444
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	434.141.806	109.725.128
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.060.604
Lãi mua Công ty con	-	3.529.261.486
Cộng	586.665.989	6.900.075.085

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.762.466.262	24.763.947.772
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	398.738.165	345.965.093
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	32.573.890	-
Chi phí khác	1.131.948.913	934.651.818
Cộng	17.325.727.230	26.044.564.683

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	30.364.071.011	23.092.448.613
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.334.849.379	1.066.766.547
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.968.666.168	2.708.411.036
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.551.648.105	41.590.076.879
Chi phí khác	34.568.137.673	25.722.077.660
Cộng	140.787.372.336	94.179.780.735

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	21.196.409.848	18.706.062.234
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.241.149.528	1.643.638.435
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.717.009.256	2.509.615.523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.550.841.285	10.857.775.005
Phân bổ lợi thế thương mại	1.229.817.157	1.229.817.157
Chi phí khác	8.304.561.300	6.044.349.372
Cộng	50.239.788.374	40.991.257.726

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	769.055.208	216.720.730
Nhà cung cấp bồi thường hàng hỏng	-	39.781.986
Thu tiền hỗ trợ của nhà cung cấp	-	3.407.216.677
Các khoản khác	1.086.050.983	1.661.022.358
Cộng	1.855.106.191	5.324.741.751

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	793.802.902	104.344.505
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	454.735.126
Các khoản chi phí khác	23.640.893	78.910.236
Cộng	817.443.795	637.989.867

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	77.989.547.798	51.391.105.021
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	77.989.547.798	51.391.105.021
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.000.000	23.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.391	2.234

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Tập đoàn mua tài sản cố định bằng nhận nợ 3.049.951.006 VND (năm trước 3.939.069.521).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Lãi vay	-	390.833.333
Mượn tiền	2.790.000.000	38.997.189.000
Ban điều hành		
Mượn tiền	1.030.000.000	4.481.281.890

Ngoài ra, Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan – Chủ tịch HĐQT Công ty còn dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty như sau:

- Bảo lãnh cá nhân để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) với số dư nợ gốc tối đa là 10.000.000 USD và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.
- Bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban điều hành	2.270.000.000	2.043.000.000
Cộng nợ phải trả	2.270.000.000	2.043.000.000
Ban điều hành	5.532.439.390	5.047.439.390
Cộng nợ phải thu	5.532.439.390	5.047.439.390

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.448.902.820	5.640.563.404
Tiền thưởng	523.305.000	446.627.000
Cộng	3.972.207.820	6.087.190.404

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
VTJ (Singapore) Private Limited	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Vĩnh Tường	Công ty có liên quan (Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Tường là Chủ tịch HĐQT Công ty)
Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường	Công ty có liên quan (Giám đốc Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường là cá nhân có liên quan với Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Chủ tịch HĐQT Công ty)
Công ty TNHH Saint – Gobain Việt Nam	Công ty có liên quan (Giám đốc Công ty TNHH Saint – Gobain Việt Nam là Phó chủ tịch HĐQT Công ty)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

VTJ (Singapore) Private Limited

Bán hàng	17.307.391.497	16.048.137.540
----------	----------------	----------------

Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường

Bán hàng hóa	7.308.450.456	323.971.783
--------------	---------------	-------------

Chi phí vận chuyển	6.930.455.005	1.251.351.273
--------------------	---------------	---------------

Góp vốn hợp tác kinh doanh	3.000.000.000	-
----------------------------	---------------	---

Công ty cổ phần Vĩnh Tường

Mua tài sản cố định	-	435.000.000
---------------------	---	-------------

Mua hàng hóa	-	88.412.000
--------------	---	------------

Bán hàng	1.993.810.967	7.009.955.618
----------	---------------	---------------

Công ty TNHH Saint - Gobain Việt Nam

Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	407.527.732.834	366.343.602.989
-------------------------------	-----------------	-----------------

Nhận chiết khấu thanh toán	-	2.335.598.962
----------------------------	---	---------------

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
VTJ (Singapore) Private Limited		
Phải thu tiền hàng	12.278.679.515	14.460.610.098
Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường		
Phải thu tiền hàng	3.728.504.698	-
Phải thu tiền góp vốn hợp tác kinh doanh	3.000.000.000	-
Công ty cổ phần Vĩnh Tường		
Phải thu tiền hàng	849.338.034	849.338.034
Cộng nợ phải thu	19.856.522.247	15.309.948.132
Công ty TNHH Saint - Gobain Việt Nam		
Phải trả tiền hàng	2.864.340.628	2.130.829.187
Phải trả khác	-	65.479.682
Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường		
Phải trả tiền chi phí vận chuyển	2.216.306.557	710.218.400
Cộng nợ phải trả	5.080.647.185	2.906.527.269

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam, khu vực miền Bắc và xuất khẩu ra nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Tập đoàn được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 44 đến trang 45.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	4.204.532.870	4.723.453.670
Trên 01 năm đến 05 năm	6.858.585.478	2.617.453.670
Trên 05 năm	1.773.739.130	284.565.217
Cộng	<u>12.836.857.478</u>	<u>7.625.472.557</u>

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Tập đoàn đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban điều hành thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.188.427.760	-	-	-	54.188.427.760
Phải thu khách hàng	142.708.571.481	-	-	18.009.861.899	160.718.433.380
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-	-	-	3.000.000.000
Các khoản phải thu khác	22.430.996.832	-	-	100.000.000	22.530.996.832
Cộng	222.327.996.073	-	-	18.109.861.899	240.437.857.972
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.533.803.639	-	-	-	48.533.803.639
Phải thu khách hàng	125.385.371.652	-	-	9.758.650.971	135.144.022.623
Các khoản phải thu khác	12.464.105.290	-	-	1.073.499.812	13.537.605.102
Cộng	186.383.280.581	-	-	10.832.150.783	197.215.431.364

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	174.200.366.406	24.027.357.578	-	198.227.723.984
Phải trả người bán	134.008.090.319	-	-	134.008.090.319
Các khoản phải trả khác	78.695.219.649	-	-	78.695.219.649
Cộng	386.903.676.374	24.027.357.578	-	410.931.033.952
Số đầu năm				
Vay và nợ	153.359.978.602	36.954.715.130	-	190.314.693.732
Phải trả người bán	85.835.211.092	-	-	85.835.211.092
Các khoản phải trả khác	34.481.786.424	-	-	34.481.786.424
Cộng	273.676.976.118	36.954.715.130	-	310.631.691.248

Tập đoàn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	SGD	USD	SGD
Tiền và các khoản tương đương tiền	494.158,85	485,92	279.581,18	485,92
Phải thu khách hàng	3.088.473,09	-	1.543.752,83	-
Các khoản phải thu khác	69.554,26	-	143.185,26	-
Vay và nợ	(79.060,40)	-	(208.910,16)	-
Phải trả người bán	(1.398.471,56)	-	(72.910,97)	-
Các khoản phải trả khác	(95.388,43)	-	(52.057,02)	-
Tài sản thuần có gốc ngoại tệ	2.079.265,81	485,92	1.632.641,12	485,92

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(197.922.571.257)	(79.060,40)	(207.267.076.214)	(208.910,16)
Nợ phải trả thuần	(197.922.571.257)	(79.060,40)	(207.267.076.214)	(208.910,16)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 3.958.451.425 VND (năm trước giảm/tăng 4.145.341.524 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay/kỳ này không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp các khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) (xem thuyết minh số V.3 và V.20). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 4.000.000 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 4.000.000 USD).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.188.427.760	-	48.533.803.639	-	54.188.427.760	48.533.803.639
Phải thu khách hàng	160.718.433.380	(10.892.393.068)	135.144.022.623	(7.680.986.936)	149.826.040.312	127.463.035.687
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-			3.000.000.000	
Các khoản phải thu khác	22.430.996.832	(100.000.000)	13.537.605.102	(1.073.499.812)	22.330.996.832	12.464.105.290
Cộng	240.337.857.972	(10.992.393.068)	197.215.431.364	(8.754.486.748)	229.345.464.904	188.460.944.616

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

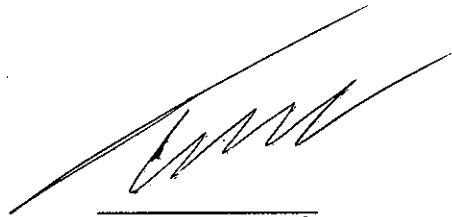
Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	197.922.015.059	190.000.454.526	197.922.015.059	190.000.454.526
Phải trả người bán	134.008.090.319	85.835.211.092	134.008.090.319	85.835.211.092
Các khoản phải trả khác	88.200.090.640	34.796.025.630	88.200.090.640	34.796.025.630
Cộng	420.130.196.018	310.631.691.248	420.130.196.018	310.631.691.248

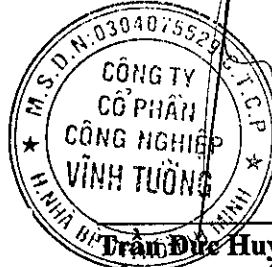
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

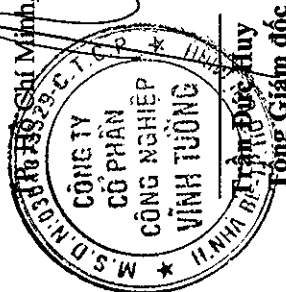
Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	230.000.000.000	38.000.000.000	-	8.961.419.045	73.440.320.848	350.401.739.893
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	51.391.105.021	51.391.105.021
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi báo cáo	-	-	6.552.049.200	-	-	6.552.049.200
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.290.061.304	(10.908.318.781)	(7.618.257.477)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(32.200.000.000)	(32.200.000.000)
Số dư cuối năm trước	230.000.000.000	38.000.000.000	6.552.049.200	12.251.480.349	81.723.107.088	368.526.636.637
Số dư đầu năm nay	230.000.000.000	38.000.000.000	6.552.049.200	12.251.480.349	81.723.107.088	368.526.636.637
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	77.989.547.798	77.989.547.798
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi báo cáo	-	-	201.680.800	-	(26.032.797)	175.648.003
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.569.555.251	(13.115.348.067)	(10.545.792.816)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(36.800.000.000)	(36.800.000.000)
Số dư cuối năm nay	230.000.000.000	38.000.000.000	6.753.730.000	14.821.035.600	109.771.274.022	399.346.039.622

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

K t	kinh doanh	a	bộ phận theo khu vực địa lý:	Đơn vị tính: VND			
				Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Khu vực xuất khẩu	Các khoản loại trừ
Năm nay							Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài				982.522.181.041	612.074.553.987	211.044.318.767	1.805.641.053.795
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				238.722.593.314	11.604.649.000	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ				1.221.244.774.355	623.679.202.987	211.044.318.767	1.805.641.053.795
Chi phí bộ phận				1.173.560.481.529	528.491.176.909	194.216.257.879	1.509.273.993.525
Kết quả kinh doanh theo bộ phận				47.684.292.826	95.188.026.078	16.828.060.888	296.367.060.270
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							191.027.160.710
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							105.339.899.560
Doanh thu hoạt động tài chính							586.665.989
Chi phí tài chính							17.325.727.230
Thu nhập khác							1.855.106.191
Chi phí khác							817.443.795
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				-	-	-	1.081.698.294
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							9.199.162.066
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							2.354.180.772
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							79.166.856.171

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUÔNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

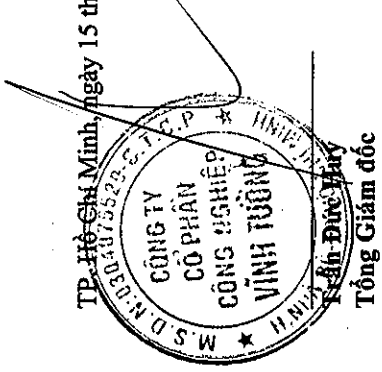
Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Năm trước	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Khu vực xuất khẩu	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	839.893.009.300	447.765.682.559	168.890.427.426	-	1.456.549.119.285
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	191.500.033.063	8.428.980.000	-	(199.929.013.063)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.031.393.042.363	456.194.662.559	168.890.427.426	(199.929.013.063)	1.456.549.119.285
Chi phí bộ phận	916.795.319.613	378.374.821.528	156.936.707.588	(197.185.948.063)	1.254.920.900.666
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	114.597.722.750	77.819.841.031	11.953.719.838	(2.743.065.000)	201.628.218.619
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					135.171.038.461
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					66.457.180.158
Doanh thu hoạt động tài chính					6.900.075.085
Chi phí tài chính					26.044.564.683
Thu nhập khác					5.324.741.751
Chi phí khác					637.989.867
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					115.355.476
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					4.505.092.838
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(2.034.585.955)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					49.644.291.037

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc